

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 90 /2020/DSPT
Ngày 24 tháng 8 năm 2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hà, Bà Phạm Thị Minh Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Th Hoa – Thư ký Tòa án nhân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên. Do bản án sơ thẩm số 27 ngày 27/11/2019 của TAND huyện Huyện X có kháng cáo.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLPT-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2020, về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXX-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 58 ngày 12/5/2020 và Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 16 ngày 12/6/2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Quang Tr, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Trú quán: Thôn N - Xã PM - Huyện X - Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1973 (có mặt)

Trú quán: Thôn N - Xã PM - Huyện X - Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959.

- Anh Lý Văn Th, sinh năm 1987.

- Anh Lý Văn T, sinh năm 1983.

- Anh Lý Văn T, sinh năm 1985.

Cùng trú quán: Thôn N - Xã PM - Huyện X - Bắc Giang.

(Bà Th, anh Th, anh T, anh T đều ủy quyền cho ông Lý Quang Tr), Ông Tr vắng mặt

- Bà Lý Thị L, sinh năm 1974.
- Cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.
- Cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1996

Cùng trú quán: Thôn N - Xã PM - Huyện X, tỉnh Bắc Giang.

(Chị L, chị H, chị T; đều ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Nh) anh Nh có mặt

- UBND huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang- Đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Hồng L, Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

4. Những người làm chứng.

- Ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Trú quán: thôn Cả, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Trú quán: thôn Giàng, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang

- Ông Ngô Văn H, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Trú quán: thôn Cả, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang

- Ông Ngô Văn S, sinh năm 1967(vắng mặt)

Trú quán: thôn Cả, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang

- Ông Ngô Thanh Đ, sinh năm 1957(vắng mặt)

Trú quán: thôn Cả, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang

- Ông Lý Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Trú quán: Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú quán: thôn Cả, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 5/4/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Lý Quang Tr, trình bày: Thời gian năm 1996 thực hiện theo Nghị định 02/NĐ-CP năm 1996, về việc giao đất trồng đồi trọc cho người dân thì gia đình ông được giao 10.000m² đất rừng, do Hạt kiểm lâm huyện Huyện X giao. Khi giao có cán bộ địa chính xã giao, địa chính huyện, Kiểm lâm huyện, Ban kiểm lâm của xã và sự có mặt của ông. Khi giao không tiến hành đo đạc hiện trạng mà chỉ vẽ thủ công trên sơ đồ. Đến năm 1997 gia đình ông được cấp sổ

xanh. Sau khi được cấp sổ gia đình ông đã tiến hành canh tác trên diện tích đất này, ông cũng đã tiến hành kiểm tra thì phát hiện diện tích gia đình ông đã bị thiếu đất. Ông cũng đã đề nghị với UBND xã Xã PM, lúc đó có cán bộ địa chính là anh Ngô Văn S, có phó Ban kiểm lâm xã là anh Ngô Văn H, có Trưởng Thôn N là ông Lý Văn Tr (ông Trù đã chết năm 2016), ông Nguyễn Văn Th (là phó thôn) đã cùng ông tiến hành kéo thước dây để kiểm tra lại thì nhà anh Nguyễn Văn Nh đã lấn chiếm đất của gia đình ông cụ thể diện tích mà là 1360m². Nay ông yêu cầu anh Nh hải trả lại cho ông diện tích đã lấn chiếm. Trên diện tích này ông Nh có trồng 02 cây nhãn, 01 cây vải trồng khoảng 5 năm tuổi. Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông trên cơ sở kiểm tra hiện trạng thực tế thì gia đình anh Nh đã lấn chiếm của gia đình ông diện tích đất trên, nay ông yêu cầu gia đình anh Nh phải trả lại cho ông diện tích đất này.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Nh, trình bày.

Năm 1996, gia đình anh được UBND huyện Huyện X giao diện tích đất là 26.000m², đất đồi trọc theo Quyết định số 489/UB ngày 15/12/1996 của UBND huyện Huyện X cấp, diện tích gia đình anh được cấp là 26.000m²; địa chỉ thửa đất ở Đèo Dốc, Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc diện tích đất là của gia đình anh khai hoang, gia đình ông cũng đã sử dụng ổn định, đến năm 1996 thì được nhà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, địa phương có xuống xem hiện trạng để giao đất thành phần đoàn giao đất gồm có cán bộ kiểm lâm xã Xã PM, cán bộ Kiểm lâm huyện Huyện X, có mặt gia đình anh, có mặt gia đình ông Lý Quang Tr. Khi tiến hành giao cán bộ kiểm lâm chỉ tay trên và chấm trên bản đồ, không dùng thước đo hiện trạng thực tế. Gia đình anh cũng đã sử dụng ổn định đến thời gian ngày 13/7/2017 thì xảy ra tranh chấp UBND xã Xã PM có mời 02 bên gia đình đến hòa giải, nhưng không có kết quả. Ông Tr khởi kiện anh phải trả lại diện tích đất là 1360m², anh không đồng ý vì gia đình anh không lấn chiếm như Ông Tr trình bày, anh không biết hiện trạng diện tích đất mà gia đình anh đang sử dụng là bao nhiêu m².

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Bà Nguyễn Thị Th, anh Lý Văn Th, anh Lý Văn T anh Lý Văn Tr (Bà Th, anh Th, anh T, anh Tr đều ủy quyền cho ông Lý Quang Tr). Bà Lý Thị L, chị

Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T, (Chị L, chị H, chị T; đều ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Nh).

UBND huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang- Đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Hồng L, Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang, trình bày: Ngày 15/12/1996 hộ ông Lý Quang Tr được UBND huyện Huyện X, tỉnh Hà Bắc (Nay tỉnh Bắc Giang) cấp GCNQSD đất lâm nghiệp (Sổ bìa xanh), diện tích đất 10.000m²; Địa chỉ thửa đất thuộc lô số 02, khoảnh 11, Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang. Ngày 15/12/1996 hộ ông Nguyễn Văn Nh được UBND huyện Huyện X, tỉnh Hà Bắc (Nay tỉnh Bắc Giang) cấp GCNQSD đất lâm nghiệp (Sổ bìa xanh), diện tích đất 2,6 ha đất lâm nghiệp; Địa chỉ thửa đất thuộc lô số 01, khoảnh 11, Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang. Theo sơ đồ giao đất lâm nghiệp và bản đồ thành quả giao đất cho thấy thửa đất của ông Lý Quang Tr và ông Nguyễn Văn Nh có thể hiện ranh giới rõ ràng, không có chồng lấn lên nhau (Ông Tr được giao lô số 02, ông Nh được giao lô số 01).

Năm 1999 hộ ông Lý Quang Tr được chuyển đổi từ sổ bìa xanh sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ bìa đỏ) có số vào sổ cấp giấy số 00291/QSDĐ/216/QĐ-UB(H), cấp ngày 18/05/1999 cho hộ ông Lý Quang Tr diện tích là 10.000m² thuộc lô 02, khoảnh 1; địa chỉ thửa đất Đèo Dốc, Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X; Mục đích sử dụng là đất rừng tái sinh (RTS), còn hộ ông Nguyễn Văn Nh được chuyển đổi từ sổ bìa xanh sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) có số vào sổ cấp giấy số 00237/QSDĐ/216/QĐ-UB(H) cấp ngày 18/05/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn Nh thì diện tích là 26.000m², thuộc lô 01, khoảnh 11; địa chỉ thửa đất Đèo Dốc, Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X; Mục đích sử dụng là đất rừng tái sinh (RTS).

Việc cấp đất lâm nghiệp, chuyển đổi từ sổ lâm bạ (sổ xanh) cho các hộ sang GCNQSDĐ (sổ đỏ) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, phù hợp với hồ sơ giao đất, việc tranh chấp trên thực địa là do các hộ không sử dụng đúng ranh giới được giao.

Về diện tích đo đạc thực tế tăng hoặc giảm so với GCNQSD đất là do rất nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân trước đây đo đạc bằng phương pháp thủ công và tính diện tích bằng lưới ô vuông nên diện tích chưa chính xác... nay đo đạc lại bằng máy điện tử nên diện tích chính xác.

Ông Nông Văn Th, cán bộ Địa chính UBND xã Xã PM, huyện Huyện X cung cấp cho Tòa án:

Ngày 15/12/1996, ông Lý Quang Tr được nhà nước giao đất rừng sản xuất theo Quyết định 489/QĐ-UB của UBND huyện Huyện X diện tích đất hộ Ông Tr được giao là 10.000m²; địa chỉ thửa đất ở Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X. Nguồn gốc diện tích đất Ông Tr được giao là đất khai phá. Sau khi được giao thì giữa gia đình Ông Tr và gia đình anh Nh có xảy ra tranh chấp. Thời gian ngày 13/7/2017, theo đơn yêu cầu của ông Lý Quang Tr UBND xã đã thành lập tổ hòa giải gồm các ông Ngô Văn Đ, Phó Chủ tịch UBND xã, Cán bộ địa chính xã, ông Nguyễn Văn Gi là Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã, ông Ngô Văn Việt là chủ tịch Hội nông dân xã, bà Nguyễn Thị O phó bí thư Đoàn xã, ông Vi Văn Th là trưởng Thôn N. Cùng có mặt Ông Tr, anh Nh cùng xuống đo hiện trạng phần diện tích đang tranh chấp do 02 bên xác định vị trí đang tranh chấp tiến hành đo chiều dài diện tích đất đang có tranh chấp giáp đường tỉnh lộ 248, có chiều dài là 17m, do sơ xuất tổ hòa giải không ghi cụ thể chiều sâu là bao nhiêu m², nhưng tổ hòa giải cũng đã xác định cụ thể diện tích đất mà hộ anh Nh đã lấn chiếm là 1360m². Tổ hoà giải không tiến hành đo tổng thể diện tích đất của 02 thửa đang có tranh chấp là bao nhiêu m², cho nên không xác định được hiện trạng diện tích đất của 02 thửa đang có tranh chấp. Thời gian ngày 15/12/1996 hộ anh Nh được nhà nước giao diện tích đất là 26.000m², thuộc lô số 01, khoảnh 11 địa chỉ thửa đất ở Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Nh, cấp ngày 18/5/1999. Khi nhà nước tiến hành cấp đổi lại không tiến hành đo đạc lại hiện trạng của hộ Ông Tr và hộ ông Nh mà chỉ căn cứ vào sổ lâm bạ đã cấp năm 1996, để đổi lại. Hiện nay không xác định được diện tích đất giữa 02 hộ đang có tranh chấp và hiện trạng cả 02 thửa đất này có khớp nhau hay không, vì chưa có bản đồ địa chính cụ thể. Căn cứ vào bản đồ và sơ đồ giao đất của 02 hộ năm 1996, thì xác định vị trí diện tích đất đang tranh chấp thuộc phần diện tích đất hộ Ông Tr đã được cấp giấy chứng nhận.

Ông Ngô Văn H, cung cấp:

Năm 1995 đến năm 2003, ông làm Phó Ban lâm nghiệp, kiêm công tác khuyến nông của xã Xã PM. Năm 1996, thực hiện Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 về việc giao đất rừng đồi trọc cho các hộ dân trong thôn. Ông là

thành viên tổ đi giao đất, ông là người trực tiếp đi giao hộ ông Lý Quang Tr được giao diện tích là 10.000m², hộ ông Nguyễn Văn Nh được giao 26.000m²; địa chỉ 02 lô đều ở Thôn N, xã Xã PM, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Khi giao có mốc giới ngăn cách giữa 02 lô của 02 hộ là mốc giới tự nhiên, căn cứ vào bản đồ giao đất tổ công tác chỉ bằng tay, không có máy đo chuyên dụng. Mốc giới tự nhiên hiện nay không còn xác định được nữa. Thành phần tổ giao đất có hộ Ông Tr, hộ ông Nh, có ông Ngô Văn H, ông Nguyễn Văn Thực là kiểm lâm huyện Huyện X, ông Lý Văn Tr, ông Nguyễn Văn Th (là phó thôn). Ông không biết việc tranh chấp đất giữa hộ Ông Tr và họ anh Nh.

Ông Ngô Văn S, trình bày: Ông có đảm nhiệm chức vụ cán bộ Địa chính xã Xã PM, huyện Huyện X thời gian từ năm 1998 đến năm 2004, ông không tham gia thành phần tổ giao đất theo Nghị định 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 cho hộ ông Lý Quang Tr và anh Nguyễn Văn Nh. Năm 1998 ông Lý Quang Tr có đơn gửi UBND xã Xã PM, huyện Huyện X đề nghị giải quyết việc ông Nguyễn Văn Nh lấn chiếm đất nông nghiệp của gia đình nhà ông. Chủ tịch UBND xã có giao cho ông xác minh để giải quyết đơn của Ông Tr. Ông cũng đã giải quyết, 02 bên gia đình đã giải quyết xong.

Ông Ngô Thanh Đ, trình bày: Thời gian năm 1996, ông giữ chức vụ Phó chủ tịch UBND xã Xã PM, huyện Huyện X. Năm 1996 thực hiện Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 thì ông là người được giao nhiệm vụ trưởng ban chỉ đạo việc giao đất theo Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994. Ông là người chỉ đạo chung việc giao đất rừng cho các hộ dân ở xã Xã PM, ông không trực tiếp giao đất ở Thôn N, xã Xã PM. Việc giao đất ở Thôn N có ông Ngô Văn H, là phó ban Lâm nghiệp của xã trực tiếp đi giao đất. Ông Huỳnh có về báo cáo lại kết quả thì việc giao đất giữa 02 hộ Ông Tr và ông Nh không có xảy ra tranh chấp gì. Việc giao đất rừng căn cứ vào bản đồ đất rừng của địa phương, xác định ranh giới giữa các hộ dựa trên mốc giới tự nhiên. Việc tranh chấp đất giữa hộ Ông Tr và hộ ông Nh xảy ra từ thời gian khoảng năm 1998. Đến năm 2017 giữa 02 hộ lại tiếp tục xảy ra tranh chấp, UBND xã cũng đã đứng ra hòa giải nhưng không có kết quả.

Ông Lý Văn M, trình bày: Năm 1996, ông giữ chức vụ Trưởng Thôn N, xã Xã PM. Thực hiện Nghị định 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 về giao đất trống đòi trục cho các hộ dân trong thôn. Ông được giao nhiệm vụ dẫn đoàn giao đất đến các hộ dân được giao. Thành phần đoàn giao đất Thôn N, xã xã PM có ông Ngô

Văn H là phó ban lâm nghiệp của xã, có ông (Mô), kiểm lâm huyện có ông Trịnh Hữu Thực cùng các hộ được giao đất. Khi tiến hành giao đến phần đất giữa hộ Ông Tr và hộ ông Nh có mặt của Ông Tr và ông Nh. Việc giao đất căn cứ trên bản đồ đất rừng của địa phương, việc xác định ranh giới theo mốc giới tự nhiên. Do thời gian quá lâu nên không xác định được mà chỉ xác định diện tích sử dụng hiện trạng thực tế đang sử dụng của 02 hộ.

Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Gi, bà Nguyễn Thị O đều là thành viên tổ hòa giải việc tranh chấp đất giữa hộ ông Lý Quang Tr và hộ ông Nguyễn Văn Nh ngày 13/7/2017 và ngày 4/8/2017, đều trình bày: Các ông bà đều là thành viên của tổ hòa giải việc tranh chấp đất giữa hộ Ông Tr và hộ ông Nh. Việc hòa giải tổ hòa giải có xuống xem xét hiện trạng thực tế thửa đất giữa 02 hộ có tranh chấp, Tổ hòa giải chỉ tiến hành đo phần diện tích đang có tranh chấp do Ông Tr xác định, không tiến hành đo tổng thể hiện trạng của cả 02 thửa đất của hộ Ông Tr và hộ ông Nh, khi đo tổ hòa giải cũng không xác định được mốc giới cụ thể của 02 thửa đất.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 8/8/2019, đã xác định:

Hiện trạng thửa đất hiện nay ông Lý Quang Tr đang sử dụng có diện tích là 10.067m². Hiện trạng thửa đất mà hộ anh Nguyễn Văn Nh đang sử dụng có diện tích là 14.351m².

Tại Công văn số 33/CV-HKL ngày 11/9/019 của Hạt kiểm lâm huyện Huyện X, trả lời Tòa án: Việc giao đất lâm nghiệp của hộ ông Lý Quang Tr và hộ ông Nguyễn Văn Nh cùng cư trú tại Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang có đầy đủ cơ quan ban ngành địa phương gồm bên giao có ông Ngô Thanh Đ đại diện UBND xã Xã PM, huyện Huyện X, ông Lý Văn M đại diện Thôn N, xã Xã PM, ông Trịnh Hữu Thực cán bộ Hạt kiểm lâm huyện Huyện X. Việc giao đất lâm nghiệp là giao trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất. Các lô đất, có thứ tự lô, vị trí lô, khoảnh, diện tích ranh giới cụ thể rõ ràng, không chồng chéo, không có tranh chấp. Cụ thể gia đình Ông Tr được giao tại lô số 02, khoảnh 11, diện tích là 1,0 ha; Gia đình ông Nh được giao lô 01, khoảnh 11, diện tích 2,6 ha. Việc xác định mốc giới được xác định cụ thể, ngoài thực địa giữa bên giao và bên nhận theo mốc giới tự nhiên, không do các hộ tự xác định.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Huyện X đã xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Quang Tr.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá: Ông Lý Quang Tr phải chịu toàn bộ số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản là 4.525.000 đồng (Bốn triệu năm trăm hai mươi năm nghìn). Xác nhận Ông Tr đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự. Tại tòa án phúc thẩm:

Nguyên đơn, ông Lý Quang Tr trình bày: Ông vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, ông yêu cầu anh Nguyễn Văn Nh phải trả lại ông diện tích đất rừng đã lấn chiếm là 1360m², diện tích đất này hiện nay gia đình anh Nh đang sử dụng trồng cây vải. Căn cứ ông yêu cầu anh Nh trả lại diện tích đất này là ông căn cứ vào sơ đồ giao đất cho gia đình ông năm 1996, căn cứ vào việc xác định của địa chính xã Xã PM, huyện Huyện X đối với diện tích nhà ông bị lấn chiếm là 1360m². Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích nhà ông là 10.067m², là thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình ông được cấp vì trước đây khi giao gia đình nào cũng bị thừa. Phần diện tích đất hiện nay ông đòi anh Nh là phần diện tích đất nhà nước giao thừa cho gia đình nhà ông.

Sau khi Hội đồng xét xử công bố kết quả thẩm định lại ngày 08/7/2020 thì xác định diện tích đất mà gia đình Ông Tr đang thực tế quản lý sử dụng là 9.769,5 m² và diện tích làm thầu là 1.589,4 m² Tổng = 11.358,9m² vậy hiện Ông Tr đang sử dụng thừa 1.358,9m². Ông Nh đang quản lý sử dụng 18.996,1 m² và cả phần đất đang có tranh chấp là 1.078,2 m². Tổng = 20.074,3m²; vậy bị thiếu so với Giấy CN QSD đất được cấp là 5.925,7m².

Bị đơn, anh Nguyễn Văn Nh trình bày: Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nh, diện tích mà 02 bên đang có tranh chấp gia đình anh đã sử dụng ổn định từ khi được giao, không có tranh chấp với ai. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích hiện trạng nhà anh 14.351m², gia đình nhà anh thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình anh đã được cấp, anh không có ý kiến gì

Đại diện VKS nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX đã đúng theo quy định từ khi thụ lý đến khi xét xử. Bị đơn những người tham gia tố tụng khác đã

chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành chưa tốt về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của tố tụng.

Về đường lối giải quyết, đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS; không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Quang Tr về yêu cầu anh Nguyễn Văn Nh trả lại diện tích đất là 1360m²; Sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền chi phí tố tụng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ông Tr không được chấp nhận, nên Ông Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông Tr là người cao tuổi căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lý Quang Tr được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Xét kháng cáo của ông Lý Quang Tr. Hội đồng xét xét xử nhận định:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 00291/QSDD/216/ QĐ- UB (H), do UBND huyện Huyện X cấp ngày 18/05/1999 cho hộ ông Lý Quang Tr thì diện tích đất hộ Ông Tr được cấp là 10.000m² thuộc lô 02, khoảnh 11, diện tích được cấp là 10.000m²; địa chỉ thửa đất Đèo Dốc, Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 00237/QSDD/216/QĐ- UB (H), do UBND huyện Huyện X cấp ngày 18/05/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn Nh thì diện tích đất hộ ông Nh được cấp là 26.000m², thuộc lô 01, khoảnh 11; địa chỉ thửa đất Đèo Dốc, Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X. Căn cứ vào các Biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất giữa hộ ông Lý Quang Tr và hộ ông Nguyễn Văn Nh tại Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X thì thấy, việc tổ hòa giải do UBND xã Xã PM xác định diện tích đất mà hộ ông Nguyễn Văn Nh lấn chiếm của hộ ông Lý Quang Tr diện tích là 1360m² là chưa khách quan. Bởi vì, việc xác định diện tích lấn chiếm mà tổ hòa giải tiến hành đo là căn cứ theo lời trình bày của Ông Tr, do Ông Tr xác định. Không tiến hành đo hiện trạng sử dụng đất của cả 02 thửa đất của hộ Ông Tr và hộ ông Nh để so sánh với diện tích đất theo như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 hộ đã được cấp. Việc tổ hoà giải căn cứ vào hồ sơ giao đất năm 1998, nhưng không tiến hành

xác minh mốc giới ngăn cách giữa 02 thửa đất đang tranh chấp có còn không. Như vậy, việc tổ hòa giải xác định diện tích mà hộ ông Nh lấn chiếm của Ông Tr là chưa đầy đủ.

Do khi tiến hành giao đất cho hộ ông Lý Quang Tr và hộ ông Nguyễn Văn Nh, thời gian năm 1996, đoàn giao đất đã căn cứ vào mốc giới tự nhiên, khi giao giữa 02 hộ không có tranh chấp gì. Hiện nay không xác định được mốc giới tự nhiên. Vì vậy, HĐXX thấy việc xác định ranh giới giữa 02 thửa đất của hộ Ông Tr và hộ ông Nh cần phải đánh giá căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của 02 hộ. Căn cứ vào hình thể sơ đồ, diện tích giao đất rừng của 02 hộ trước đây do Cơ quan kiểm lâm huyện Huyện X thiết lập. Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 8/8/2019 và sơ đồ hiện trạng sử dụng hiện trạng của 02 hộ, Hội đồng thẩm định cũng đã xác định, hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Lý Quang Tr là $10.067m^2$; Hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Nh là $1.4351m^2$. Đối với phần diện tích đất tranh chấp, hiện nay nằm trong hiện trạng sử dụng đất của hộ anh Nh có diện tích là $1.747m^2$. HĐXX xét thấy, căn cứ kết quả hiện trạng sử dụng đất của Ông Tr là $10.067m^2$, so sánh với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hộ Ông Tr được cấp thì thấy diện tích của hộ Ông Tr thừa $67m^2$; Hiện trạng sử dụng đất hộ anh Nguyễn Văn Nh đang sử dụng là $14.351m^2$, so sánh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh Nguyễn Văn Nh thì thấy diện tích của hộ anh Nh là thiếu $11.649m^2$.

Căn cứ khởi kiện của ông Lý Quang Tr là căn cứ vào hình thể sơ đồ, diện tích mà hộ ông đã được Hạt kiểm lâm huyện Huyện X giao. Mặt khác, Ông Tr cũng trình bày sau khi được giao đất, trong quá trình canh tác ông thấy thiếu đất nên ông đã có đơn gửi UBND xã Xã PM để giải quyết yêu cầu anh Nguyễn Văn Nh phải trả ông diện tích đất mà anh Nh đã lấn chiếm. HĐXX xét thấy, căn cứ khởi kiện của ông là chưa chính xác. Vì việc ông xác định thiếu đất phải căn cứ vào hiện trạng diện tích đất mà ông đang sử dụng, so sánh với diện tích đất mà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kết quả thẩm định ngày 8/8/2019, cho thấy diện tích hiện trạng sử dụng đất hiện nay của hộ Ông Tr là thừa $67m^2$. Tuy nhiên, trong bản án sơ thẩm sơ thẩm đã xác định: Theo đơn khởi kiện Ông Tr yêu cầu anh Nh phải trả cho ông diện tích $1.360m^2$ đất lâm nghiệp, tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định không có căn cứ và tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Tr, nhưng lại không nêu rõ là không chấp nhận

những yêu cầu gì là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 BLTTDS; cần rút kinh nghiệm về nội dung này.

Tại kết quả thẩm định lại ngày 08/7/2020 (theo yêu cầu của nguyên đơn) ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, đã xác định diện tích đất mà hộ Ông Tr đang thực tế quản lý sử dụng là 9.769,5 m² và diện tích làm thầu là 1.589,4 m²; tổng = 11.358,9m² vậy hiện Ông Tr đang sử dụng thừa 1.358,9m². Ông Nh đang quản lý sử dụng 18.996,1 m² và cả phần đất đang có tranh chấp là 1.078,2 m²; tổng = 20.074,3m²; vậy bị thiếu so với Giấy CN QSD đất được cấp là 5.925,7m². Tổng chi phí đo đạc, thẩm định lại hết 15.761.000 đồng; Ông Tr mới nộp số tiền tạm ứng là 7.000.000 đồng, vậy còn thiếu số tiền là 8.761.000 đồng. (số tiền 8.761.000 đồng là do anh Nh bỏ ra để Tòa án thanh toán trả cho Công ty đo đạc, nên cần buộc ông Lý Quang Tr phải nộp tiếp số tiền 8.761.000 đồng để hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Nh); Nên cũng cần sửa một phần về nghĩa vụ phải chịu số tiền chi phí tố tụng. Đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, do vậy cấp sơ thẩm không có lỗi về vấn đề này.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Lý Quang Tr không có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá: Căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn ông Lý Quang Tr phải chịu toàn bộ số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên Ông Tr phải chịu là 4.525.000 đồng và số tiền chi phí đo đạc, thẩm định lần hai là 15.761.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lý Quang Tr được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng; Khoản 2 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Quang Tr, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần chi phí tố tụng.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; khoản 2 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Quang Tr về yêu cầu anh Nguyễn Văn Nh trả lại diện tích 1360m² đất Lâm nghiệp; tại Thôn N, xã Xã PM, huyện Huyện X, tỉnh Bắc Giang.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lý Quang Tr phải nộp tiếp số tiền 8.761.000 đồng để hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Nh). Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của ông Nguyễn Văn Nh đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của số tiền gốc phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Lý Quang Tr, được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CTHADS tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA TÒA**

Đặng Văn Quyết